

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07-6-2018
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con,
chia tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Chính;

Ông Nguyễn Anh Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Đô - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con và chia tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thuý H, sinh năm 1979 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Khóm 7, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1975 (xin vắng).

Địa chỉ: Khóm 8, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 21 tháng 11 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thuý H trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Q chung sống với nhau từ năm 2000, đến nay vẫn chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Lý do xin ly hôn: Do không tìm hiểu trước khi kết hôn, nên quá trình chung sống xảy ra bất hòa, dẫn đến mâu thuẫn vì không hoà hợp từ đó không hạnh phúc, anh Q ra ngoài ở riêng và vợ chồng ly thân từ ngày 23/01/2012 âm lịch đến nay. Thời gian qua chị H cũng muốn anh Q suy nghĩ lại để vợ chồng hàn gắn hôn nhân nhưng không có kết quả, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn.

- Về con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn Thuý Q, sinh ngày 30/01/2001 và Nguyễn Như Qu, sinh ngày 27/11/2008. Từ khi ly thân chị H nuôi hai con cho đến nay. Sau khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con. Không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung:

1. Có một nền nhà diện tích thể hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 73,5m² (đo thực tế 74 m²), tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện C do chị H và anh Q cùng đứng tên, mục đích sử dụng là đất nuôi trồng thủy sản (vì đất vuông khi làm lộ nên chủ đất cũ cắt ra làm nền nhà). Giá trị thực tế nền nhà là 100.000.000 đồng (vì đất chưa chuyển mục đích sử dụng còn là đất nuôi trồng thủy sản).

2. Một căn nhà cấp 4 (xây cất trên nền nhà nêu trên) vào năm 2009, nhà xây cất gần hết phần đất (chiều ngang 4,1 mét, dài 16 mét); giá trị căn nhà lúc xây dựng khoảng 100.000.000 đồng, giá trị hiện tại 100.000.000 đồng (vì nhà xây cách nay khoảng 10 năm nhưng giá vật liệu tăng nên giá trị căn nhà không giảm);

3. Một chiếc xe honda biển kiểm soát 69K3-9495, mua cũ năm 2007, giá trị hiện tại 2.500.000 đồng.

- Về Công nợ: Lúc vợ chồng chung sống, có tham gia hội của anh Lê Hồng T và đã hốt hội để làm nhà và chi phí cho gia đình. Đây hội thứ nhất: Hội

mở ngày 15/6/2010 (âm lịch), có 60 chung, hụi 01 triệu, mỗi tháng khai một lần, tham gia hai chung và hốt hết hai chung vào tháng 8/2010. Sau khi hốt hụi có đóng hụi chết, đến khi anh Q bỏ nhà đi thì chị H đóng hụi chết 41 kỳ x 2 chung x 01 triệu đồng/chung = 82.000.000 đồng; Dây hụi thứ hai: Tham gia hai chung hụi 500.000 đồng, mở ngày 30/5/2011 (âm lịch), mỗi tháng khai hai lần, có 50 chung, hốt hết hai chung. Đến ngày 23/01/2012 anh Q bỏ đi thì chị H phải đóng hụi chết 34 kỳ x 02 chung x 500.000 đ/chung = 34.000.000 đồng.

Ngoài ra, chị H có mượn số tiền 20 triệu đồng của anh Nguyễn Minh Đ để mua xe máy cho cháu Q làm phương tiện đi học, số tiền này chị H đã trả đủ cho anh Đ.

Tổng cộng tiền hụi chết một mình chị H phải đóng cho anh T là 116.000.000 đồng, đã đóng đủ cho anh T không còn liên quan gì đến nợ hụi với anh T và số tiền mượn anh Đ chị H cũng đã tự mình trả đủ, không còn liên quan gì đến anh Đ.

Về tài sản và công nợ: Chị H yêu cầu được nhận nền nhà và căn nhà để ở nuôi hai con; anh Q không phải chia nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ cho anh T; chiếc xe honda anh Q đang quản lý giao cho anh Q. Trường hợp chia tài sản thì khoản nợ trả cũng phải chia đôi.

** Tại bản tự khai ngày 10 tháng 4 năm 2018, bị đơn anh Nguyễn Thanh Q trình bày:*

- Về hôn nhân: Vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2000, đến nay vẫn chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do bất đồng ý kiến, không hoà hợp nhau dẫn đến mâu thuẫn gay gắt nên đã ly thân hơn 05 năm. Qua yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, anh Q đồng ý.

- Về con chung: Có hai con chung Nguyễn Thuý Q và Nguyễn Như Qu, hiện đang sống với mẹ, đồng ý giao hai con cho chị H nuôi. Việc cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung và công nợ: Đồng ý giao nền nhà và căn nhà cho chị H. Phần nợ trả anh Q không biết, nếu có thiếu thì chị H phải trả nợ vì đã nhận nhà, đất.

** Tại bản tự khai ngày 28/01/2017 và biên bản lấy lời khai, anh Nguyễn Minh Đ trình bày: Tháng 6/2017 anh Đ cho chị H mượn 20.000.000 đồng, hiện*

nay chị H đã thanh toán đủ số tiền, nên anh Đ không có yêu cầu nào đặt ra và xin vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa kết luận:

Về thủ tục tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật nên không kiến nghị; về chia tài sản chấp nhận sự thoả thuận của hai đương sự.

Chị H bảo lưu ý kiến như trên: Yêu cầu ly hôn, trực tiếp nuôi hai con, được nhận nhà và nền nhà để có nơi ở cho hai con. Khoản nợ trả anh Q không phải có nghĩa vụ thanh toán 1/2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại bản khai ngày 10/4/2018 và biên bản lấy lời khai anh Q và anh Đ có yêu cầu được vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hoà giải được và căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với Nguyễn Thanh Q và Nguyễn Minh Đ.

Đối với anh Lê Hồng T, là chủ hộ không có yêu cầu đặt ra vì chị H hốt hộ và đã đóng hộ chết đầy đủ. Xét thấy, anh T không có quyền lợi và nghĩa vụ gì liên quan trong vụ án, nên không tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị H và anh Q chung sống với nhau từ năm 2000, do bất đồng ý kiến, không hoà hợp dẫn đến thường xuyên cự cãi nên vợ chồng ly thân từ ngày 23/01/2012 âm lịch đến nay. Chị H xin ly hôn, anh Q đồng ý, nhưng hai đương sự chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa Nguyễn Thuý H và Nguyễn Thanh Q không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2]. Về nuôi con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn Thuý Q, sinh ngày 30/01/2001 và Nguyễn Như Qu, sinh ngày 27/11/2008.

Hai cháu ở với chị H từ lúc vợ chồng ly thân cho đến nay. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu tiếp tục nuôi hai con, anh Q đồng ý và hai cháu có nguyện vọng ở

với mẹ. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị H về việc trực tiếp nuôi hai cháu Q và Qu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4]. Tài sản và công nợ:

Hai đương sự thống nhất về việc chia tài sản chung của vợ chồng, chị H yêu cầu được nhận nhà, đất. Tại bản khai ngày 10/4/2018, anh Q đồng ý giao nhà, đất cho chị H, anh Q nhận chiếc xe. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận theo ý kiến của hai đương sự về việc người trực tiếp quản lý tài sản chung, cụ thể:

- Chị H được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt:

Một nền nhà diện tích thể hiện trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 73,5m² (đo thực tế 74 m²), tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau do Nguyễn Thanh Q và Nguyễn Thúy H đứng tên (mục đích sử dụng là đất nuôi trồng thủy sản);

Một căn nhà cấp 4 (xây cất trên nền nhà nêu trên), nhà xây cất gần hết phần đất (chiều ngang 4,1 mét, dài 16 mét); giá trị hiện tại 100 triệu đồng (vì nhà xây cách nay khoảng 10 năm nhưng giá vật liệu tăng nên giá trị căn nhà không giảm).

- Anh Q được sở hữu một chiếc xe honda biển kiểm soát 69K3-9495, mua cũ năm 2007, giá trị hiện tại 2.500.000 đồng.

Về công nợ: Chị H đã thanh toán đủ cho các chủ nợ, anh Đ và anh T không có yêu cầu nào đặt ra và chị H cũng không yêu cầu vì chị được nhận nhà, đất. Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5]. Về thẩm định, định giá tài sản: Hai đương sự không yêu cầu thẩm định vì chị H đã ký hợp đồng để đo đạc lại diện tích đất. Về giá trị nhà, đất hai đương sự không yêu cầu định giá, chị H xác định giá trị nhà, đất 200 triệu đồng là phù hợp với thực tế vì phần đất cất nhà mục đích sử dụng là đất nuôi trồng thủy sản, nên giá trị không cao. Toà án nhận thấy phù hợp với thị trường nên không cần thiết phải thành lập Hội đồng định giá tài sản.

Chị H nộp tiền tạm ứng thẩm định, định giá là 4.000.000 đồng. Do không thẩm định, định giá nên Toà án đã trả lại đủ số tiền và chị H đã nhận lại đủ 4.000.000 đồng.

[2.6]. Về án phí:

- Chị H chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và án phí chia tài sản bằng 50% của án phí có giá ngạch là 5.000.000 đồng. Chị H có đơn xin giảm án phí có xác nhận của Ủy ban về hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên được giảm $\frac{1}{2}$, phải nộp $\frac{1}{2}$ bằng 2.500.000 đồng. Tổng số tiền án phí phải chịu là 2.800.000 đồng, đã nộp tạm ứng án phí 2.175.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0015687 ngày 24/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, phải nộp tiếp 625.000 đồng.

- Anh Q phải chịu án phí 50% bằng 150.000 đồng đối với giá trị chiếc xe được nhận.

[2.7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[2.8]. Ý kiến kết luận của đại diện Viện kiểm sát là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Thanh Q và anh Nguyễn Minh Đ.

- Các Điều 14, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thuý H và anh Nguyễn Thanh Q không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2]. Về nuôi con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thuý Q, sinh ngày 30/01/2001 và Nguyễn Như Qu, sinh ngày 27/11/2008.

Hai cháu đang ở với chị H, giao cho chị H trực tiếp nuôi hai cháu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4]. Về tài sản và công nợ:

- Chị H được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản:

Một nền nhà diện tích thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 73,5m² (đo thực tế là 74 m²), tọa lạc ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau do Nguyễn Thanh Q và Nguyễn Thuý H đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và căn nhà cấp 4 xây cất trên nền nhà. Giá trị nhà, đất là 200.000.000 đồng.

- Anh Q được sở hữu một chiếc xe honda biển kiểm soát 69K3-9495, mua cũ năm 2007, trị giá 2.500.000 đồng (xe anh Q đang quản lý).

Về công nợ: Đương sự không có yêu cầu đặt ra, nên không xem xét.

[5]. Về án phí:

- Chị H chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và án phí chia tài sản bằng 50% của án phí có giá ngạch bằng 5.000.000 đồng. Chị H được giảm ½, phải nộp ½ bằng 2.500.000 đồng. Tổng số tiền án phí phải chịu là 2.800.000 đồng, đã nộp tạm ứng án phí 2.175.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0015687 ngày 24/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, phải nộp tiếp 625.000 đồng.

- Anh Q phải chịu 50% án phí chia tài sản bằng 150.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

[6]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hiền